

Số: 51 /QĐ-ĐHTN-ĐTSDH

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận học viên trúng tuyển
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và bác sĩ chuyên khoa cấp 1 đợt 2 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp 1;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 2603/2014/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 26 tháng 12 năm 2014 của của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc xét và quyết định điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2019 của Hội đồng tuyển sinh năm 2019 Trường Đại học Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 87 (tám mươi bảy) học viên trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2019 các chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm, Khoa học cây trồng, Kỹ sinh trùng y học, Toán giải tích, Quản lý kinh tế, Vật lý lý thuyết và vật lý toán và Chuyên khoa cấp 1 Nội tổng quát (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan, đồng thời được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp 1 hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa KHTN và CN, Trưởng khoa Nông Lâm nghiệp, Trưởng khoa Y Dược, Trưởng khoa Kinh tế, Trưởng các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Thanh Trúc

GIÁO DỤC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÂY NGUYÊN

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số...51...../QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 09 tháng 01 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Stt	Họ lót và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	1	Đỗ Thị	Anh	02.10.1994	Đắk Lắk	Sinh học TN
2	2	Dương Nguyễn Phương	Dung	23.01.1996	Đắk Nông	Sinh học TN
3	3	Bùi Nữ Huệ	Duyên	07.08.1997	Đắk Lắk	Sinh học TN
4	4	Nguyễn Thị	Hạnh	22.08.1997	Gia Lai	Sinh học TN
5	5	Trương Thị Minh	Hiên	14.09.1989	Đắk Nông	Sinh học TN
6	6	Trần Lê Thiên	Hương	27.10.1988	Đắk Lắk	Sinh học TN
7	7	Nguyễn Thị	Lan	18.02.1984	Nghệ An	Sinh học TN
8	8	Phạm Thị Ngọc	Liều	16.05.1988	Đắk Lắk	Sinh học TN
9	9	Lê Cao Bá	Linh	07.10.1996	Kon Tum	Sinh học TN
10	10	Ngô Vũ Hạ	Ni	01.01.1983	Quảng Nam	Sinh học TN
11	11	Nguyễn Hoàng	Quân	01.12.1980	Hà Nam	Sinh học TN
12	12	Phùng Ngọc	Tâm	07.12.1980	Đắk Lắk	Sinh học TN
13	13	Vũ Bích	Thủy	16.03.1992	Đắk Lắk	Sinh học TN
14	1	Hoàng Thị Kim	Anh	21.09.1984	Phú Yên	KH cây trồng
15	2	Nguyễn Trung	Kiên	02.12.1985	Thái Bình	KH cây trồng
16	3	Nguyễn Thị	Nữ	15.08.1994	Đắk Lắk	KH cây trồng
17	4	Trần Tú	Trân	12.04.1985	Đắk Lắk	KH cây trồng
18	5	Phan Đình	Trọng	09.02.1995	Đắk Lắk	KH cây trồng
19	6	Ngô Trường	Trung	11.06.1995	Đắk Lắk	KH cây trồng
20	7	Nguyễn Bảo	Trung	18.09.1981	Đắk Lắk	KH cây trồng
21	1	Nguyễn Long	Anh	09.05.1976	Quảng Nam	KST Y học
22	2	Trần Trung	Dũng	06.06.1979	Đà Nẵng	KST Y học
23	3	Phan Xuân	Hiên	10.09.1975	Quảng Ngãi	KST Y học
24	4	Nguyễn Thị Lan	Hương	09.04.1991	Đắk Lắk	KST Y học
25	5	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	08.09.1992	Đắk Lắk	KST Y học
26	6	Vũ Như	Ngọc	10.01.1995	Nghệ An	KST Y học
27	7	Trương Hoàng	Son	22.03.1995	Đắk Lắk	KST Y học
28	8	Chu Quốc	Thái	16.11.1976	Hà Nam	KST Y học
29	9	Trần Thị Thu	Thanh	26.03.1994	Đắk Lắk	KST Y học
30	10	Hoàng Thị Thanh	Thảo	13.06.1986	Lâm Đồng	KST Y học
31	11	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	02.09.1988	Đắk Lắk	KST Y học
32	12	Thân Trọng Châu	Tuấn	24.03.1993	Đắk Lắk	KST Y học

VA
ÔNG
HC
NGH

Stt	Họ lót và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
33	1	Nguyễn Thị Nguyên	Bình	18.11.1982	TT Huế	Toán giải tích
34	2	Đào Đức	Chương	02.01.1982	Nam Định	Toán giải tích
35	3	Ninh Thị Anh	Đào	30.07.1983	Đắk Lắk	Toán giải tích
36	4	Đinh Thị Mỹ	Hiền	21.12.1995	Quảng Ngãi	Toán giải tích
37	5	Vũ Thị Minh	Huệ	19.09.1981	Tuyên Quang	Toán giải tích
38	6	Hà Mạnh	Hùng	20.08.1995	Đắk Lắk	Toán giải tích
39	7	Trần Thị Thanh	Huyền	03.10.1987	Thái Bình	Toán giải tích
40	8	Trần Minh	Phúc	19.05.1995	Đắk Lắk	Toán giải tích
41	9	Lý Anh	Quyết	24.05.1984	Đắk Lắk	Toán giải tích
42	1	Trần Thị Cẩm	Anh	12.09.1989	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
43	2	Lê Nguyễn Hồng	Huệ	20.09.1997	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
44	3	Vĩnh Bảo	Long	07.04.1996	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
45	4	Phạm Quỳnh	My	05.11.1984	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế
46	5	Nguyễn Thị Thu	Nhi	16.08.1979	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
47	6	Phạm Thị Hồng	Phúc	24.09.1987	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
48	7	Nguyễn Thị	Thanh	06.04.1983	Hà Tĩnh	Quản lý kinh tế
49	8	Nguyễn Thị Quỳnh	Thảo	02.10.1996	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế
50	9	Đặng Tấn	Trọng	10.04.1977	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế
51	10	Nguyễn Thị Tường	Việt	06.06.1986	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế
52	1	Nguyễn Thị Huyền	Châu	08.11.1987	Đắk Lắk	Vật lý LT & VLT
53	2	Phạm Hồng	Chiến	12.06.1995	Đắk Lắk	Vật lý LT & VLT
54	3	Nguyễn Hữu Mạnh	Cường	12.01.1991	Đắk Lắk	Vật lý LT & VLT
55	4	Trịnh Đình	Giang	16.06.1983	Thanh Hóa	Vật lý LT & VLT
56	5	Nguyễn Hải	Hà	16.12.1981	Thái Bình	Vật lý LT & VLT
57	6	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17.12.1997	Đắk Lắk	Vật lý LT & VLT
58	7	Tôn Thất Trường	Nam	02.10.1988	Đắk Lắk	Vật lý LT & VLT
59	8	Trần Phước	Vĩnh	08.06.1992	TT Huế	Vật lý LT & VLT
60	1	Nguyễn Thị Thanh	Bình	12.08.1989	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
61	2	Trần Nam	Đông	10.10.1984	Quảng Trị	CKI Nội tổng quát
62	3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24.04.1991	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
63	4	Ya	Đuyên	27.07.1979	Lâm Đồng	CKI Nội tổng quát
64	5	Hồ Đức	Hành	21.06.1987	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
65	6	Nông Hữu	Hoan	07.04.1988	Cao Bằng	CKI Nội tổng quát
66	7	Trần Ngọc	Hội	15.10.1986	Nghệ An	CKI Nội tổng quát
67	8	Rcom	H'Phuong	06.04.1986	Gia Lai	CKI Nội tổng quát

Stt	Họ lót và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
68	9	Nguyễn Ngọc	Huân	26.07.1971	Hải Dương	CKI Nội tổng quát
69	10	Lê Thị Diễm	Hương	30.07.1987	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
70	11	Phạm Thị	Liên	01.03.1985	Bắc Ninh	CKI Nội tổng quát
71	12	Trần Thị	Loan	24.04.1975	Bình Định	CKI Nội tổng quát
72	13	Nguyễn Thị	Lý	03.09.1987	Thanh Hóa	CKI Nội tổng quát
73	14	Y Thanh	Mlô	15.10.1978	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
74	15	Ksor	Nang	31.03.1986	Gia Lai	CKI Nội tổng quát
75	16	Nguyễn	Nên	02.11.1966	Bình Định	CKI Nội tổng quát
76	17	Hoàng Hữu	Nghĩa	15.01.1991	Cao Bằng	CKI Nội tổng quát
77	18	Bế Thị	Như	01.01.1984	Cao Bằng	CKI Nội tổng quát
78	19	Y Niết	Niê	14.12.1972	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
79	20	Lê Duy	Phước	03.06.1991	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
80	21	Bơ Nah Ria	Rutor	12.09.1990	Lâm Đồng	CKI Nội tổng quát
81	22	Võ Văn	Sách	01.10.1988	Đắk Lắk	CKI Nội tổng quát
82	23	Nguyễn Xuân	Thủy	10.10.1974	Thái Bình	CKI Nội tổng quát
83	24	Trần Thị Bích	Thủy	24.05.1971	Gia Định	CKI Nội tổng quát
84	25	Võ Quang	Tiến	04.06.1972	Nghệ An	CKI Nội tổng quát
85	26	Nguyễn Quang	Trung	10.10.1975	Hà Tĩnh	CKI Nội tổng quát
86	27	Nguyễn Nhật	Trường	25.12.1985	Bình Phước	CKI Nội tổng quát
87	28	Rơ Châm	Wuch	02.03.1983	Gia Lai	CKI Nội tổng quát

Danh sách gồm có 87 học viên./.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

10
TẠO